TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Bình;

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Quang Trường, Thư ký Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2024 (Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐT-HNGĐ, ngày 20/8/2024), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị P, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 5 D, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Giang Văn L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 5 D, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Dương Thị P trình bày:

Chị Dương Thị P và anh Giang Văn L xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T từ ngày 18/7/2016. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị P yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Giang T, sinh ngày 24/02/2017 và Giang N, sinh ngày 03/9/2020. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, các con do anh L nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P yêu cầu Tòa án giao cả hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con, chị xin tự giải quyết với anh L.

Về tài sản chung: Chị P xin tự thỏa thuận với anh L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù, anh Giang Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác, nhưng anh L không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P và cũng không tham gia các hoạt động tố tụng theo yêu cầu của Tòa án.

Tại các biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04/6/2024, 18/7/2024, mẹ đẻ anh Giang Văn L là bà Đỗ Thị G cho biết: Anh L đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác do Tòa án tống đạt. Tuy nhiên, anh L không đến Tòa án tham gia tố tụng vì bận công việc. Anh L có nói với bà, anh đồng ý ly hôn và đồng ý nuôi dưỡng cả hai con, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và ngĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị P: Xử cho chị P được ly hôn anh Giang Văn L. Về con chung: Giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Giang T, sinh ngày 24/02/2017 và Giang N, sinh ngày 03/9/2020. Việc cấp dưỡng cho con, chị P xin tự giải quyết với anh L nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Dương Thị P khởi kiện xin ly hôn anh Giang Văn L, cư trú tại thôn 5 D, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Bị đơn là anh Giang Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị P và anh Giang Văn L được xác lập từ ngày 18/7/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, ít quan tâm đến nhau. Do đó, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ năm 2021 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Xét thấy, chị P và anh L không còn chung sống với nhau thời gian dài, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con là Giang T, sinh ngày 24/02/2017 và Giang N, sinh ngày 03/9/2020. Từ năm 2021 đến nay, các con do anh L và gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Khi ly hôn, chị P đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cũng đồng ý nuôi dưỡng cả hai con. Xét thấy, anh L có nghề nghiệp, thu nhập, chỗ ở ổn định, con lớn (cháu Giang Thanh) cũng có

nguyện vọng được ở với anh L. Mặt khác, anh L còn được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cả hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng cho con, chị P xin tự thỏa thuận với anh L nên để cho anh chị tự giải quyết với nhau là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, thì chị P phải chịu 300.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị P được ly hôn anh Giang Văn L.

2. Về con chung: Giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Giang T, sinh ngày 24/02/2017 và Giang N, sinh ngày 03/9/2020. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 30/8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, chị P tự giải quyết với anh L.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Dương Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009009, ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Chi